



# ĐẠI SỨ QUÁN HỢP CHUNG QUỐC HOA KỲ

Phòng Thông tin - Văn hoá

Tầng 3, Rose Garden Tower, 6 Ngọc Khánh

Hà Nội, Việt Nam

(84-4) 831-4580 -- Fax: (84-4) 831-4601

**Tiểu ban Châu Á-Thái Bình Dương, Hạ nghị viện**  
**Tiểu ban Thương mại và Chính sách Kinh tế Quốc tế, Hạ nghị viện**  
**Washington, DC**

*Ngày 19 tháng 9 năm 2000*

## **BẢN HIỆP ĐỊNH THƯƠNG MẠI SONG PHƯƠNG MỸ-VIỆT VÀ CHÍNH SÁCH CỦA MỸ ĐỐI VỚI VIỆT NAM**

**Bản tường trình của Stanley Roth**  
**Trợ lý Bộ trưởng Ngoại giao phụ trách Đông á và Thái Bình Dương**

Cám ơn ngài chủ tọa. Tôi rất vui mừng hôm nay được ngồi cùng Đại sứ Barshefsky và Phó trợ lý Bộ trưởng Hauser để bàn về bản Hiệp định Thương mại Song phương Mỹ-Việt.

Trước khi phát biểu, tôi xin được đánh giá cao Đại sứ Barshefsky đã có một vai trò cá nhân to lớn trong việc đưa chúng ta đến cái mốc quan trọng trong quan hệ Mỹ-Việt. Tôi biết chúng ta không thể ngồi đây trình bày bản tường trình này nếu bà Barshefsky đã không làm việc hết mình để đưa quá trình đàm phán lâu dài, đầy thử thách, và chắc chắn là gian nan này đến kết quả thành công.

Thưa ngài Chủ tọa, bản hiệp định thương mại song phương (BTA) là một cột mốc. Và trong bối cảnh chậm chạp và dè dặt tiến tới một quan hệ đầy đủ với Việt Nam thì đây là một cột mốc quan trọng. Đây là một điểm mốc mà nhiều người, có lẽ phần lớn chúng ta đang trong căn phòng này bây giờ đều muốn nhìn thấy nó lùi xa trong gương chiếu hậu. Năm năm trước, khi công việc đầu tiên được bắt đầu để tiến đến hiệp định này, ít người trong chúng ta có thể tin rằng chỉ năm năm sau thôi chúng tôi đã được đối diện với các Tiểu ban lỗi lạc này để giải trình về công việc của chúng tôi và mong được tán đồng.

Thưa ngài Chủ tọa, cảm ơn ngài đã cho tôi cơ hội này để đặt bản BTA trong bối cảnh quan hệ đang tiến triển của chúng ta với Việt Nam, và là một phần trong mối quan hệ ấy, trong bối cảnh Việt Nam tiếp tục hợp tác trong vấn đề MIA.

Trọng tâm của nhiệm kỳ đCut tiên của Tổng thống chính là nối lại quan hệ ngoại giao. Việc này không thể tiến triển nếu Việt Nam đã không hợp tác trong nhân tố trung tâm của mối quan hệ hồi đó và cả bây giờ, đó là việc giải trình đầy đủ nhất có thể về số quân nhân Mỹ mất tích. Ba phái đoàn Nhà trắng đã được cử sang Việt Nam để theo đuổi vấn đề cốt lõi này để mở đường cho bình thường hoá. Đoàn đCut tiên đến Việt Nam tháng 7-1993, đứng đCut là Thứ trưởng Bộ Cựu chiến binh Hershel Gober. Đoàn này bao gồm các đại diện của các tổ chức như VFW, AmVets (Cựu chiến binh Mỹ), DAV (Thương binh Mỹ), và National Leagues of Families (Liên đoàn Quốc gia về Gia đình). Hai phái đoàn còn lại, cũng do ông Gober làm trưởng đoàn, đến Việt Nam tháng 7-1994 và tháng 3-1996. Đáp lại chuyến thăm thứ 2 của Nhà trắng, tháng 7-1994 Việt Nam thành lập các đội tìm kiếm đơn phương - tôi sẽ quay lại điểm này ngay.

Quốc hội cũng đã tham gia sớm vào nỗ lực này. Các nhân viên cao cấp của Tiểu ban châu á-TBD đã sang Việt Nam tháng 1-1994 để đánh giá tiến bộ của Việt Nam trong án đề POW/MIAs, và đã kết luận rằng sự hợp tác là tốt.

Tất nhiên, ngay từ đầu chúng ta đã làm việc vất vả để giải quyết các vấn đề trung tâm, bao gồm vấn đề di cư và giải quyết những đề nghị lấy lại các tài sản của chính phủ Hoa Kỳ ở miền Nam Việt Nam trước đây, mà Việt Nam đã chấp thuận năm 1995. Đối thoại về nhân quyền bắt đầu năm 1992 và đã tiếp tục và đi sâu dần.

Giai đoạn một của chủ trương bình thường hoá với Việt Nam của Chính phủ đã kết thúc bằng một tuyên bố chung giữa Thông thống Clinton và Thủ tướng Việt Nam Võ Văn Kiệt hôm 11-7-1995 về việc thiết lập quan hệ ngoại giao. Tháng 8 năm đó, ngài Christopher - lúc đó là Bộ trưởng Ngoại giao - đã đến thăm Việt Nam và đã khai trương Đại sứ quán ở Hà Nội. Đồng thời, Việt Nam cũng mở Đại sứ quán tại Washington. Các Tổng lãnh sự đã được thành lập tại Tp. HCM và San Francisco.

Việt Nam và vấn đề POW/MIAs: Chính phủ có những bước đi trên vì chúng tôi, cùng với nhiều nghị sĩ, thấy rằng Việt Nam đã xoá bỏ hàng rào mà chúng ta đã dựng lên để làm cho quá trình bình thường hoá tiến triển.

Sẽ không có quan hệ nào được thiết lập nếu không có những tiến bộ ban đầu về vấn đề chủ chốt là việc tìm kiếm người Mỹ mất tích.

Trọng tâm của Chính phủ nhiệm kỳ này ngay từ đầu là, việc đầu tiên và quan trọng nhất là không ngừng đòi hỏi sự hợp tác của Việt Nam trên mặt trận này, và sau đó, chỉ sau đó, mới phát triển các khía cạnh khác của mối quan hệ khi chúng ta có tiến bộ. Công cuộc tìm kiếm đầy đủ nhất và toàn diện nhất số POW/MIAs vẫn là vấn đề quan trọng nhất trong chính sách của chúng ta đối với Việt Nam. Đại sứ Pete Peterson, người đã có những chiêm nghiệm cả về công việc lẫn đời tư trong nỗ lực này. Trước đây trong năm ông cũng đã khẳng định với các đại biểu Uỷ ban Đường lối và Phương tiện rằng sự hợp tác của Việt Nam vẫn rất tốt và rất đáng tin, và những nỗ lực của họ đã là những điểm hình của việc tìm kiếm các MIAs một cách đầy đủ nhất có thể.

Tôi vừa nói đến chuyến thăm của Bộ trưởng Cohen trước đây trong năm. Đó là chuyến thăm đầu tiên của một bộ trưởng Quốc phòng kể từ khi chiến tranh Việt Nam kết thúc. Chuyến thăm đó đã tăng cường mạnh mẽ quá trình tìm kiếm chung giữa những người tình nguyện Mỹ và Việt Nam đối với các MIAs, đặc biệt là khi họ đến những địa bàn hiểm trở và khó khăn nhất thế giới - những nơi duy nhất chưa được tìm kiếm.

Ngay sau khi Bộ trưởng Cohen đến thăm, Việt Nam đề xuất một số sáng kiến tìm kiếm, trong đó có nguyện vọng tập trung hơn vào việc khai quật, đặc biệt vùng miền trung Việt Nam. Họ cũng nhấn mạnh rằng sẽ tiếp tục các nỗ lực về các trường hợp được biết đến lần cuối cùng khi còn sống (Last Known Alive) cho đến khi tất cả các trường hợp được giải quyết, và họ muốn chúng ta nhìn nhận các hoạt động đơn phương của họ 6 năm về trước, theo đề nghị của chúng ta.

Chúng tôi vẫn đang xem xét các đề xuất của Việt Nam trong chuyến thăm của Bộ trưởng Cohen. Nhưng khi chúng tôi đang xem xét, không thể phủ nhận rằng quá trình hợp tác của Việt Nam về vấn đề POW/MIAs là rất đáng tuyên dương.

## VIỆT NAM VÀ VẤN ĐỀ DI CƯ

Bây giờ chuyển sang một vấn đề khác quan trọng đối với nhiều thành viên của Uỷ ban và với cử tri của họ, đó là vấn đề di cư. Tôi vui lòng được thông báo, cũng như Đại sứ Peterson đã thông báo trước tôi, rằng Việt Nam tiếp tục tôn trọng những cam kết của họ. Thật ra đã có những tiến bộ ngày càng lớn về vấn đề này từ khi lệnh cấm vận được xoá bỏ. Công dân Việt Nam có thể di cư tự do theo các chương trình tị nạn của chúng ta. Từ năm 1980, hơn 1,2 triệu người Việt đã đến định cư tại Mỹ. Hàng chục ngàn Việt Kiều này trở lại Việt Nam hàng năm thăm viếng họ hàng và xây dựng các mối liên hệ cơ sở ngày càng chặt chẽ giữa hai xã hội chúng ta. Với hợp tác của Việt Nam, chúng ta đang tiến đến hoàn tất nhiều hạng mục chấp nhận tị nạn được thành lập theo Chương trình ra đi có trật tự (ODP), và chương trình Cơ hội tái định cư cho người Việt trở về (ROVR), chương trình cho những người bị cải tạo trước đây (HO), và chương trình Montagnards.

Tiến bộ của Việt Nam về quyền tự do di cư kể từ 1998 đã chứng tỏ việc miễn từ Điều khoản Jackson-Vanik đã đạt được mục đích mà bộ luật đề ra. Trong 2 năm qua, số người Việt Nam trở lại mà vẫn chưa được chính quyền Việt Nam giải quyết cho Cục Xuất nhập cảnh Mỹ (INS) phỏng vấn đã giảm xuống từ 3.463 xuống còn 201. INS đã phỏng vấn được hơn 18.000 người trở lại theo chương trình ROVR, và 15.886 người đã được sang Mỹ. Số người bị cải tạo trước đây vẫn chưa được cho phép phỏng vấn đã giảm từ 2.461 còn 635. Những người thuộc diện Montagnards chưa được phỏng vấn đã giảm từ 636 xuống còn 261.

Chưa phải là hoàn hảo, nhưng đó là những con số ấn tượng. Và bởi vì rất có thể là một vài người trong số "chưa được giải quyết cho phỏng vấn" bao gồm những người mà không tìm thấy, nên tình hình thực tế có thể tốt hơn là chỉ nhìn vào những con số trên. Bản thân những con số này chứng thực lời nhận xét của chúng tôi rằng Việt Nam đã hợp tác tốt trong vấn đề di cư. Tuy vậy, chúng tôi vẫn cam kết bảo đảm rằng tất cả những người có đơn đề nghị đủ tiêu chuẩn sẽ có cơ hội phỏng vấn và, nếu được chấp nhận, sẽ sang định cư ở Hoa Kỳ.

## NHIỆM KỲ 2

Trọng tâm của nhiệm kỳ thứ 2 của Tổng thống là phát triển một mối quan hệ thực sự từ một sự khởi đầu sơ khai mà chúng ta đã đạt được, và đặc biệt là củng cố các nỗ lực loại bỏ những bất đồng về các vấn đề quan trọng vẫn tiếp tục cản trở sự phát triển của một mối quan hệ bình thường hoá và hợp tác đầy đủ. Nói cách khác, chúng ta đã chuyển từ bình thường hoá ngoại giao lên tới sự tham gia về ngoại giao.

Ngoài việc tiếp tục nhấn mạnh các vấn đề về POW/MIAs và di cư, chúng ta đã mở rộng trọng tâm ra các lĩnh vực khác, bao gồm việc thúc giục Việt Nam về các vấn đề nhân quyền và nhân đạo, và thúc đẩy cải cách kinh tế.

### VIỆT NAM VÀ CÁC VẤN ĐỀ NHÂN QUYỀN VÀ NHÂN ĐẠO

Cải thiện về nhân quyền đã và sẽ còn là một phần quan trọng trong chính sách của ta đối với Việt Nam. Khi tuyên bố ký kết BTA, Tổng thống Clinton đã nói: "Chúng ta hy vọng thương mại mở rộng sẽ đi liền kề với sự củng cố và tôn trọng về nhân quyền và các tiêu chuẩn về lao động. Bởi vì chúng ta đang sống trong một kỷ nguyên mà của cải được tạo ra từ việc trao đổi ý tưởng một cách tự do, và sự ổn định được dựa trên những lựa chọn dân chủ." Bà Ngoại trưởng, Đại sứ Peterson, Trợ lý Bộ trưởng Koh, Đại sứ Seiple, và tôi, tất cả đã chuyển bản thông điệp đó đến lãnh đạo và nhân dân Việt Nam. Và chúng tôi sẽ tiếp tục công việc này, vì trong khi Việt Nam đã có một số tiến bộ, họ vẫn còn cách xa các chuẩn mực quốc tế về nhân quyền. Nhìn vào bản báo cáo nhân quyền năm nay sẽ cho những ai quan tâm – và tôi tin rằng tất cả chúng ta ở đây đều quan tâm – thấy Việt Nam còn rất nhiều thiếu sót. Không ai ở Việt Nam, kể cả chính phủ lẫn các nhà chống đối, nghi ngờ quan điểm của chúng ta.

Nói như vậy, nhưng các hoạt động của chúng ta đang có một ảnh hưởng tích cực lên thái độ của Việt Nam về nhân quyền. Họ đang thay đổi – một cách chậm chạp. Đối thoại về nhân quyền của chúng ta, khởi đầu năm 1992, đã bắt đầu cho kết quả. Tháng 6 vừa rồi, chúng ta đã có những cuộc bàn luận cấp cao với các quan chức Việt Nam tại Washington. Cảm nhận của chúng tôi là, các buổi nói chuyện này, lần đầu tiên được tổ chức ở cấp Trợ lý bộ trưởng và phía Mỹ do Trợ lý Bộ trưởng Koh đứng đầu, rất có kết quả. Đại sứ phụ trách Tự do tôn giáo Robert Seiple cũng tham gia chuyến thăm Việt Nam, trong đó gặp gỡ một số tổ chức NGO quốc tế về nhân quyền. Ngoại trưởng Albright cũng đề cập đầy đủ các vấn đề nhân quyền trong các cuộc gặp với lãnh đạo cao cấp của Việt Nam năm ngoái và ở chuyến thăm trước đó, năm 1997.

Từ khi bình thường hoá, Việt Nam đã giảm bớt đáng kể sự can thiệp của chính phủ trung ương, và đang bắt đầu hạn chế quyền lực của chính quyền các tỉnh. "Công an khu vực" không còn theo dõi sát sao hoạt động của bất kỳ ai. Năm nay Việt Nam đã trả tự do cho 20 tù nhân chính trị và tôn giáo, bao gồm 12 người Hmong theo đạo Tin lành và 3 cha đạo Thiên chúa. Các nhà chống đối được thả vẫn bị quấy rối, nhưng họ vẫn được gặp người ngoài và những người ủng hộ. Không nghi ngờ gì, quyền tự do tôn giáo và cầu nguyện ở Việt Nam hiện nay tốt hơn nhiều so với 2 thập kỷ sau năm 1975. Việt Nam cũng đang tiến đến đáp ứng các chuẩn mực quốc tế về quyền người lao động. Chúng ta hy vọng sẽ có tiến bộ hơn nữa trong một tương lai gần.

Không phải là nhỏ, tiến bộ này phải kể đến Đại sứ Peterson đã không ngừng theo đuổi các mối quan tâm của chúng ta, đến cuộc đối thoại nhân quyền hàng năm của chúng ta, và đến Đại sứ Robert Seiple đã theo đuổi quyền tự do tôn giáo lớn hơn. Chúng ta cũng phải kể đến sự hợp tác giữa hai ngành Lập pháp và Hành pháp. Các thành viên của Hạ viện và các Tiểu ban tại đây đã sử dụng các vấn đề này một cách có tác dụng đối với các nhà lãnh đạo Việt Nam, tỏ rõ sự ủng hộ của cả 2 đảng cho việc thúc đẩy tiến bộ về nhân quyền.

### VIỆT NAM VÀ CÁC VẤN ĐỀ KINH TẾ VÀ THƯƠNG MẠI

Tất nhiên, một mục tiêu quan trọng nữa của nỗ lực hoà nhập cho Việt Nam là cải cách kinh tế và thương mại, tâm điểm của buổi trao đổi ngày hôm nay.

Bản tường trình mà quý vị vừa được nghe Đại sứ Barshefsky trình bày đã diễn giải đầy đủ quá trình tham gia của chúng ta với Việt Nam về cải cách kinh tế và thương mại dẫn đến bản BTA. Tôi không thể nói tốt hơn về các chi tiết đã được trình bày về việc này. Nhưng tôi có thể chia sẻ với quý vị những mục tiêu lớn hơn của chúng ta về cải cách kinh tế và thương mại ở Việt Nam, và việc những mục tiêu này có tác dụng như thế nào đối với các mục tiêu chính sách kinh tế đối ngoại lớn hơn, đặc biệt trong khu vực châu á-TBD. Bản BTA không chỉ là kết quả của quá trình hội nhập nhanh chóng, nó còn là phương tiện để hoà nhập hơn nữa. Việc Việt Nam nổi lên trong cộng đồng khu vực và toàn cầu như một nước hoà bình, thịnh vượng và dân chủ không thể nào trở nên thực sự được trước khi nước này ban cho nhân dân họ những quyền lợi và quyền tự do họ đáng có.

Bản BTA phục vụ tốt cho lợi ích của chúng ta bởi vì nó sẽ buộc Việt Nam phải thực hiện một số lượng lớn các cam kết sẽ củng cố khu vực tư nhân. Một khu vực tư nhân mạnh hơn sẽ cho phép người dân Việt Nam bình thường có nhiều khả năng định đoạt tương lai kinh tế của chính họ hơn. Các điều khoản trong hiệp định yêu cầu Việt Nam ban quyền tự do thương mại và phân phối cho mọi công dân. Quyền tự do quyết định kinh tế của cá nhân là một trong nhiều quyền cá nhân mà chúng ta đang khuyến khích Việt Nam ban cho nhân dân họ.

## KẾT LUẬN

Từ khi bình thường hoá quan hệ ngoại giao, mục tiêu bao trùm trong chính sách với Việt Nam của chúng ta là khuyến khích Việt Nam nổi lên là một thành viên ổn định, thịnh vượng và cởi mở trong khu vực. Một Việt Nam như vậy – tham gia và hội nhập đầy đủ vào khu vực – sẽ trở thành một đối tác mạnh và có tầm ảnh hưởng, sẽ hợp tác với Mỹ và các nước lân cận để duy trì ổn định khu vực và làm chủ được các vấn đề khu vực. Họ sẽ trở thành một nền kinh tế năng động, có khả năng cải thiện mức sống cho nhân dân, thu hút nhập khẩu và đầu tư, và có thể xuất khẩu hàng hoá của họ một cách cạnh tranh. Một Việt Nam như vậy không chỉ an toàn và thịnh vượng, mà qua nền an ninh và thịnh vượng của họ, còn có thể tăng cường an ninh và thịnh vượng cho các nước láng giềng.

Một Việt Nam như vậy hiện giờ chưa có, nhưng họ đang tiến dần tới những mục đích đó. Và hoà nhập là một phương tiện mà họ đang sử dụng. Chúng ta đã khuyến khích Việt Nam ở mọi cấp bậc và mọi khi có cơ hội để họ có thể kiểm soát, nếu không nói là giải quyết được những bất đồng cụ thể, tìm ra và khai triển những vấn đề mà chúng ta có cùng quan điểm. BTA là một điển hình của nỗ lực này.

Việt Nam cần có khả năng thâm nhập thị trường Mỹ một cách cạnh tranh để thu hút đầu tư nước ngoài trực tiếp, công nghệ, và kiến thức mà họ cần để sử dụng lực lượng lao động ngày một lớn mạnh của họ. Đó là chìa khoá để họ đạt được thịnh vượng. Chỉ có một Việt Nam thịnh vượng mới có thể thiêu thụ hàng hoá và dịch vụ của Hoa Kỳ.

Mới đây, Đại sứ Peterson mô tả với tôi một số tiến triển cho thấy một Việt Nam mà chúng ta có thể hướng tới trong tương lai. Tôi ngạc nhiên bởi "hiện tượng Internet cafe" mà ông mô tả. Hàng ngàn thanh niên Việt Nam đang truy cập mạng Internet ở các quán cà phê Internet trên toàn quốc. Họ có thể trao đổi thông tin, và nhiều người trong họ đang tìm cách vượt qua các hàng rào lửa mà các nhân tố bảo thủ trong chính phủ đã dựng lên nhằm ngăn cản đường vào Internet. Việc này phản ánh khao khát của tuổi trẻ Việt Nam được nối kết với thế giới bên ngoài biên giới của họ. Tôi nghĩ điều đó cũng nhấn mạnh các cơ hội xuất khẩu và đầu tư to lớn cho các công ty công nghệ của Mỹ.

Các đồng minh và đối tác của chúng ta tại khu vực đó cũng đang hoàn thành quá trình giúp Việt Nam hoà nhập vào cộng đồng khu vực. Và người Việt Nam cũng nhận ra tầm quan trọng của quá trình này. Ngay sau khi BTA được ký kết, Bộ trưởng Thương mại Vũ Khoan đã nhận xét rằng khi hiệp định có hiệu lực, Việt Nam ít nhất cũng sẽ được bình đẳng về quyền thâm nhập thị trường Mỹ so với các nước bạn cũ trong ASEAN cũ Mỹ.

Việc Việt Nam tham gia vào sân chơi bình đẳng hơn sẽ giúp họ tham gia tích cực hơn vào các diễn đàn như ASEAN và APEC, trong đó các nước thành viên đang hợp tác để mở rộng thương mại và đầu tư, xoá bỏ các rào cản, và tạo ra nhiều cơ hội thương mại hơn cho doanh nghiệp và người lao động. Cả ASEAN và APEC đều cho Việt Nam, gia nhập ASEAN năm 1995 và APEC năm 1998, được thâm nhập vào nhóm các nước ngang bằng có thể đóng vai trò mẫu mực.

Tôi xin được kết thúc bằng việc chia sẻ suy nghĩ về bản BTA của một trong những tiếng nói độc lập hàng đầu ở Việt Nam. TS. Nguyễn Đan Quế, nhà chống đối nổi tiếng nhất Việt Nam vừa cho một nhà ngoại giao Mỹ ở Việt Nam biết rằng: "mở cửa kinh tế đất nước sẽ tăng cường quyền lực của người dân trong các quyết định kinh tế của riêng họ. Hoà nhập vào nền kinh tế toàn cầu và tăng cường liên hệ với các nước phát triển sẽ làm cho người dân hiểu rõ hơn thế nào là hiện đại. Hiệp định càng sớm được phê chuẩn và thực thi thì càng tốt."

Tôi nhiệt liệt tán thành với TS. Quế, người mà tôi rất ngưỡng mộ và kính trọng. Bây giờ chính Quốc hội Mỹ đang đứng giữa ngã ba đường về chính sách đối với Việt Nam. Thực thi BTA là một chìa khoá đi đến những mục đích của chúng ta. Chúng ta đang thúc giục Việt Nam phê chuẩn bản hiệp định càng nhanh càng tốt. Khi hiệp định được trình lên Quốc hội, tôi xin thành thật khích lệ Hạ viện giúp nước Mỹ tuân theo những giá trị và lợi ích của chúng ta bằng cách phê chuẩn hiệp ước này một cách nhanh chóng.

*Toàn văn bằng tiếng Anh của bài viết có trên Internet tại:*

<http://usembassy.state.gov/vietnam/wwwhta36e.html>